

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HS-ST

Ngày 23 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Duy Cường

Ông Cao Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2023/TLST - HS ngày 26 tháng 4 năm 2023 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Xuân Đ**, sinh năm 1993 tại: xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân R và bà Lê Thị Ng, chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 299/2017/HSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 33 tháng tù, phạt bổ sung 5.000.000đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt chính ngày 18/02/2020. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt bổ sung và án phí HSST.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2012/HSST ngày 18/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2013/HSST ngày 26/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp

tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 73/2012/HSST ngày 18/12/2012 của Tòa án nhân dân huyện Triệu S thành hình phạt chung của hai bản án. Đến ngày 27/01/2015 chấp hành xong án trở về địa phương.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/02/2023 đến ngày 16/02/2023 áp dụng biện pháp tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống; có mặt.

2. Họ và tên: **Lê Minh S**, sinh năm 1986 tại: xã H, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh Th và bà Lê Thị Ng, chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2015/HSST ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30.000.000đ về tội “Đánh bạc”. Đã thi hành được 3.000.000đ và 200.000đ án phí HSST, còn 27.000.000đ tiền sung quỹ Nhà nước chưa chấp hành.

Nhân thân: Ngày 17/4/2017 bị Công an thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy số tiền 1.500.000đ. Bị cáo chấp hành xong quyết định ngày 20/4/2017.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/02/2023 đến ngày 16/02/2023 áp dụng biện pháp tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh S:* Bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn B, xã TH, huyện Triệu S, TH.

- *Người làm chứng:* Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn L, xã TH1, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa người làm chứng có mặt; người bào chữa cho bị cáo vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 11/02/2023 Lê Minh S, sinh năm 1986 ở thôn TL, xã TH, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa điều khiển xe mô tô BKS 36P8-4710 đang di chuyển trên địa phận thôn L, xã H, huyện Triệu S thì gặp

Nguyễn Xuân Đ năm 1993 ở thôn TL1, xã Thái Hòa, huyện Triệu S (là người quen biết từ trước) qua nói chuyện thì biết S có tiền nên Đ rủ S đi mua ma túy về sử dụng. S đồng ý và đưa xe cho Đ điều khiển còn S ngồi phía sau đi đến nhà ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1962 ở thôn LT, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (vì Đ biết ông T1 là người nghiện ma túy nên đoán ông T1 có ma túy). Khi đến nơi thấy cổng ngõ nhà ông T1 đóng và chốt trong Đ đứng ngoài gọi to “Ông T1 ơi” nhiều lần nhưng không thấy có ai ra nên Đ tự mở cửa đi vào phía trong sân, S dựng xe ngoài ngõ đi theo vào sau, khi cả hai đi vào đến sân nhà ông T1, Đ lại tiếp tục gọi thêm nhiều lần nữa nhưng không có ai trả lời thấy vậy S nói “về đi” rồi đi ra ngoài cổng để lấy xe còn Đ không đi ra ngoài mà tiếp tục đi vào trong nhà lúc này cửa nhà đang mở một cánh, khi vào đến phía trong nhà ông T1, Đ nhìn thấy tại bàn uống nước phòng khách có 01 chiếc điện thoại di động SAMSUNG màu xanh nên đi lại cầm lấy chiếc điện thoại rồi đi ra ngoài. Khi ra đến ngõ nhà ông T1, Đ bỏ chiếc điện thoại vào túi quần bên trái và tiếp tục đi lại vị trí S đang đợi và nói “nổ xe chạy đi” S nổ xe chở Đ chạy ra hướng cánh đồng cách nhà ông T1 khoảng 02km S nhìn thấy Đ vứt một vật màu đen giống như ốp lưng điện thoại, do nghi ngờ nên S hỏi “Mày vừa lấy cái gì trong nhà ông T1 à” thì Đ trả lời “Vừa lấy được cái điện thoại” và bảo S chạy vòng về huyện Triệu S “Không đi lại đường khi đến, đến Thế giới di động xã TN để bán” thì S làm theo. Khi đi đến Thế giới di động xã TN, huyện Triệu S Đ mang vào bán nhưng Thế giới di động không mua. Đ đi ra bảo S chở về xã TH, huyện Triệu S, khi đến nơi Đ đi vào quán bán điện thoại “Cần Nhung” bán được 1.500.000đ đi ra chia cho S 700.000đ sau đó S và Đ cùng đi về nhà. Số tiền này các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 14/02/2023 nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật nên Nguyễn Xuân Đ, Lê Minh S đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Công xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 15/02/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Công đã yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Nông Công định giá đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A12 có số máy SM-A125E/DS, số Seri R58R92Z7A3M; IMEI 1: 354312130789762, IMEI 2: 355235620789761. Đã qua sử dụng mua mới năm 2022.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 08/ĐGTS ngày 16/02/2023 của HĐĐG huyện Nông Công Kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A12 có số máy SM-A125F/DS, số Seri R58R92ZA3M, IMEI 1: 354312130789762, IMEI 2: 355235620789761 có giá trên thị trường tại thời điểm trộm cắp là 2.615.000đ.

Bị hại là bà Nguyễn Thị T cho biết vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 11/02/2023 bà đi ra đồng để thăm ruộng, trước khi đi bà có để 01 điện thoại di động ở bàn uống nước ở phòng khách, bà đóng cửa cổng và chốt trong nhưng không khóa. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày con trai là Đỗ Văn T2 gọi điện để hỏi điện thoại để ở đâu thì bà bảo đang để ở bàn thì con bà nói không thấy đã bị mất rồi, nên bà đi về xem lại camera của gia đình thì thấy có hai thanh niên vào

nhà sau đó một người đi ra ngoài cổng còn một người đi vào trong nhà lại bàn uống nước lấy chiếc điện thoại và đi ra đến hết sân thì bỏ chiếc điện thoại vào túi quần, sau đó đi ra ngoài, chiếc điện thoại đó là của con gái bà mua năm 2022 với giá 5.000.000đ.

Hiện bà đã nhận lại chiếc điện thoại trên, bà không yêu cầu gì thêm về phần dân sự, đối với chiếc ốp lưng điện thoại có giá trị thấp bà không yêu cầu bồi thường. Đối với chiếc USB nhãn hiệu Kington loại 04GB có lưu trữ 01 tệp video được trích xuất từ camera của gia đình bà không yêu cầu nhận lại tài sản.

Đối với chị Trần Thị Nh là chủ quán điện thoại (Cần Nhung) cho biết chiều ngày 11/02/2023 có hai thanh niên đến quán, trong đó có 01 thanh niên đi vào lấy ra một chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy A12 và bảo cần bán sau khi chị kiểm tra và đồng ý mua với giá 1.500.000đ. Sau khi biết chiếc điện thoại trên là do trộm cắp mà có nên chị đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống để phục vụ cho quá trình điều tra. Đối với số tiền 1.500.000đ chị bỏ ra để mua chiếc điện thoại trên chị yêu cầu các đối tượng phải bồi thường lại cho chị.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 36P8 - 4710 qua xác minh chiếc xe trên là của bà Lê Thị Ng (mẹ của Lê Minh S) bà cho S mượn để phục vụ cho việc đi lại, bà không biết việc S mượn xe để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho cho bà Lê Thị Ng.

* Vật chứng vụ án:

- Vật chứng thu giữ được:

+ 01 Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S100, BKS 36P8-4710 số khung DLPDCHBUMBB001635, số máy VZS152FMH148635 xe đã qua sử dụng.

+ 01 Điện thoại di động loại SAMSUNG Galaxy A12 số kiểu máy SM-A125E/DS, số Seri R58R92Z7A3M, IMEI 1: 354312130789762, IMEI 2: 355235620789761 đã qua sử dụng.

Hiện các vật chứng trên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Lê Thị Ng và bà Nguyễn Thị T.

+ 01 USB nhãn hiệu Kington loại 04GB có lưu trữ 01 tệp video được trích xuất từ camera của gia đình bà Nguyễn Thị T. Hiện chuyển kèm theo vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền 1.500.000đ là tiền chị Trần Thị Nhung đã bỏ ra mua chiếc điện thoại, chị yêu cầu Nguyễn Xuân Đ, Lê Minh S phải khắc phục lại cho chị.

Tại Bản cáo trạng số 41/CT-VKSNC ngày 05/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Nông Cống truy tố bị cáo Nguyễn Xuân Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Lê Minh S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố luận tội và giữ nguyên quyết Đ truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với các bị cáo như sau:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 BLHS tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ mức án tù từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày giữ 14/02/2023.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 BLHS tuyên bố bị cáo Lê Minh S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Minh S mức án tù từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 14/02/2023.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Tài sản (chiếc điện thoại) đã trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm; buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Nh là 1.500.000đ, trong đó bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải bồi thường cho chị Nh là 800.000đ, bị cáo Lê Minh S phải bồi thường cho chị Nh là 700.000đ; về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự. Bị cáo Lê Minh S thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh S thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh theo khoản 1 Điều 323 BLHS. Về hình phạt: Bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị xử phạt mức án tù từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Nhung; về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Minh S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo Nguyễn Xuân Đ không thành khẩn khai báo, thừa nhận vào khoảng 14 giờ ngày 11/02/2023 cùng bị cáo Lê Minh S vào nhà ông Đỗ Văn Toan để hỏi mua ma túy nhưng không thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của bà Nguyễn Thị Thơm, không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền đã bỏ ra mua chiếc điện thoại là 1.500.000đ, ngoài ra không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân Đ không thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của bà Nguyễn Thị Th, quanh co chối tội. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Lê Minh S tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, kết quả trưng cầu giám định về định giá tài sản, giám định kỹ thuật số và các tài liệu, chứng cứ thu được. Như vậy, đủ căn cứ chứng minh: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 11/02/2023 Nguyễn Xuân Đ đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG loại Galaxy A12 của bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962, ở thôn L, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Đối với bị cáo Lê Minh S không biết và không tham gia giúp sức với Đ trộm cắp chiếc điện thoại, khi trên đường về S mới biết Đ đã trộm cắp chiếc điện thoại. Khi biết rõ chiếc điện thoại do Đ trộm cắp mà có, tuy không hứa hẹn trước nhưng đã cùng Đ đến cửa hàng điện thoại "Cần Nhung" ở thôn B, xã TH, huyện Triệu S để bán điện thoại được 1.500.000đ và Đ chia cho S 700.000đ. Số tiền này các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 08/ĐGTS ngày 16/02/2023 của HĐĐG huyện Nông Cống, kết luận: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A12 có giá trên thị trường tại thời điểm trộm cắp là 2.615.000đ. Đủ cơ sở để HĐXX khẳng định: Hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân Đ đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS; hành vi của bị cáo Lê Minh S đã cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS. Cáo trạng của VKSND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng đối với cả 2 bị cáo. Hành vi lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác để lén lút trộm cắp tài sản của Nguyễn Xuân Đ là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo Lê Minh S biết rõ là tài sản trộm cắp, lẽ ra phải khuyên ngăn Đ và báo cáo cơ quan pháp luật về hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Đ nhưng vì hám lợi nên đã giúp bị cáo Đ đem tài sản đi tiêu thụ bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Khi quyết định hình phạt cần xem

xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[4]. Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng: Tái phạm theo quy Đ tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Lê Minh S được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội thành khẩn khai báo và đầu thú theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân Đ trong quá trình điều tra thành khẩn khai báo. Tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn khai báo nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ đầu thú theo quy Đ tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy. Bị cáo Nguyễn Xuân Đ đã 3 lần bị Tòa án kết án, bị cáo Lê Minh S đã bị Tòa án kết án và bị Công an xử phạt vi phạm hành chính.

[5]. Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, cần áp dụng Điều 38 BLHS cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn Đ. Ngoài ra, bị cáo Lê Minh S thuộc hộ nghèo nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận lại chiếc điện thoại và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị Trần Thị Nh: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Đ và bị cáo Lê Minh S phải liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Nh số tiền là 1.500.000đ. Trong đó, bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải bồi thường cho chị Nh số tiền là 800.000đ, bị cáo Lê Minh S phải bồi thường cho chị Nh số tiền là 700.000đ theo quy Đ tại các Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 BLDS.

[8]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự. Bị cáo Lê Minh S thuộc hộ nghèo, tại phiên tòa bị cáo đề nghị HĐXX miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 BLHS tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 323 BLHS tuyên bố bị cáo Lê Minh S phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Xuân Đ:

Xử phạt: Nguyễn Xuân Đ 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (14/02/2023).

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 BLHS đối với bị cáo Lê Minh S:

Xử phạt: Lê Minh S 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (14/02/2023).

* Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

- Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 BLDS: Chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị Trần Thị Nhung:

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Đ và bị cáo Lê Minh S phải liên đới bồi thường cho chị Trần Thị Nhung số tiền là 1.500.000đ. Trong đó, bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải bồi thường cho chị Nhung số tiền là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), bị cáo Lê Minh S phải bồi thường cho chị Nhung số tiền là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Trường hợp người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 (đối với bị cáo Lê Minh S), khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 (đối với bị cáo Nguyễn Xuân Đ) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự cho bị cáo Lê Minh S. Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

* Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

